

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **339** /TCT-KK
V/v giới thiệu một số điểm mới
của Thông tư số 86/2024/TT-
BTC

Hà Nội, ngày **22** tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thuế doanh nghiệp lớn.

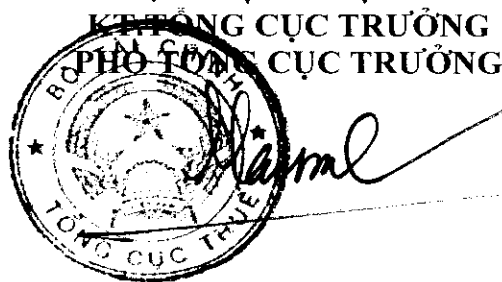
Ngày 23/12/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế thay thế Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020. Tổng cục Thuế giới thiệu một số điểm mới về đăng ký thuế tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (chi tiết nêu tại Phụ lục đính kèm).

Đề nghị Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Thuế doanh nghiệp lớn triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung quy định về đăng ký thuế tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC tới công chức thuế, người nộp thuế và chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo thi hành.

Tổng cục Thuế thông báo để các Cục Thuế chủ động triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng Mai Xuân Thành (để b/c);
- Các đồng chí Phó Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Vụ/đơn vị thuộc TCT (để thực hiện);
- Lưu: VT, KK.



Mai Sơn

Phụ lục
GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI VỀ ĐĂNG KÝ THUẾ
TẠI THÔNG TƯ SỐ 86/2024/TT-BTC NGÀY 23/12/2024
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo công văn số: 339/TCT-KK ngày 22 /01/2025 của Tổng cục Thuế)

Thông tư số 86/2024/TT-BTC được kết cấu thành 04 chương và 40 điều, trong đó các quy định về thủ tục đăng ký thuế được kết cấu tách riêng cho người nộp thuế là tổ chức (Chương II, từ Điều 7 đến Điều 21) và người nộp thuế là hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân (Chương III, từ Điều 22 đến Điều 34). Một số nội dung mới của Thông tư số 86/2024/TT-BTC so với Thông tư số 105/2020/TT-BTC như sau:

1. Các nội dung mới áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức và hiệu lực thi hành

*** CHÍNH SÁCH 1: Đối tượng đăng ký thuế (Điều 4)**

- **Điểm mới 1:** Bỏ liệt kê các doanh nghiệp đăng ký theo pháp luật chuyên ngành (điểm a Khoản 2 Điều 4), để tránh việc pháp luật chuyên ngành sửa đổi sẽ ảnh hưởng đến quy định tại Thông tư.

Trước đây: Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC liệt kê một số doanh nghiệp theo pháp luật chuyên ngành: bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, luật sư, công chứng.

- **Điểm mới 2:** Tổ hợp tác thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế sẽ không bao gồm tổ hợp tác đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh, theo đó được sửa đổi là: “tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác nhưng không thuộc trường hợp đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã” (điểm b Khoản 2 Điều 4), để loại trừ tổ hợp tác thuộc diện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trước đây: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì chưa loại trừ tổ hợp tác thuộc trường hợp đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh.

*** CHÍNH SÁCH 2: Cấu trúc mã số thuế (Điều 5)**

- **Điểm mới 3:** Về mã số thuế cấp cho người nộp thuế là nhà thầu nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế, Thông tư 86/2024/TT-BTC bổ sung quy định đối với trường hợp có nhiều nhà thầu nước ngoài trên cùng một hợp đồng nhà thầu ký với bên Việt Nam và các nhà thầu có nhu cầu kê khai, nộp thuế riêng thì mỗi nhà thầu nước ngoài được cấp riêng một mã số thuế 10 số (điểm d khoản 4 Điều 5).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 4:** Sửa đổi quy định cấp mã số thuế nộp thay cho tổ chức có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh, theo đó người nộp thuế chỉ đăng ký cấp mã số thuế nộp thay trong trường hợp này nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh (điểm e khoản 4 Điều 5).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa nêu rõ quy định này. Do đó, việc sử dụng mã số thuế nộp thay của hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh gặp vướng mắc trong việc sử dụng hóa đơn và hoàn thuế giá trị gia tăng.

*** CHÍNH SÁCH 3: Thủ tục đăng ký thuế lần đầu**

- **Điểm mới 5:** Bổ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này trong thành phần hồ sơ đăng ký thuế lần đầu của đơn vị phụ thuộc (điểm a.2, b.2 khoản 1 Điều 7).

- **Điểm mới 6:** Bổ sung địa điểm nộp hồ sơ tại Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người nộp thuế được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý đối với người nộp thuế là người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí (khoản 7 Điều 7).

Trước đây: Theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì người nộp thuế nêu trên nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

*** CHÍNH SÁCH 4: Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế**

- **Điểm mới 7:** Bổ sung địa điểm nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí chuyên nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyên nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí tại Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người điều hành được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý (điểm c khoản 1 Điều 10).

Trước đây: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì người nộp thuế nêu trên nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi người điều hành đặt trụ sở.

- **Điểm mới 8:** Sửa đổi, bổ sung cách xác định thời hạn ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST đối với trường hợp thay đổi thông tin làm thay đổi cơ quan thuế quản lý tại điểm a khoản 2 Điều 11 như sau:

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ không thuộc diện phải kiểm

tra tại trụ sở người nộp thuế), đồng thời người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST gửi cho người nộp thuế và cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

+ Quá thời hạn nêu trên, trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi thì thời hạn cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST được xác định lại là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế nơi chuyển đi.

+ Việc xác định người nộp thuế thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế

Trước đây: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì thời hạn cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST là: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế công bố biên bản, kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ thuộc diện không phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), chưa ràng buộc trách nhiệm của người nộp thuế trong việc hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

- **Điểm mới 9:** Đối với người nộp thuế đã hoàn thành chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi nhưng không nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc tại cơ quan thuế nơi chuyển đến, Thông tư số 86/2024/TT-BTC bổ sung quy định cơ quan thuế gửi Thông báo giải trình, bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế theo thông tin người nộp thuế đã đăng ký để đảm bảo tính công khai, minh bạch với NNT (điểm b khoản 3 Điều 11); Sửa đổi cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, chuyển trạng thái “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” và công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử là cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi (điểm b, c khoản 3 Điều 11).

Trước đây: Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến thực hiện Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, chuyển trạng thái “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” và công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử; chưa có quy định gửi thông báo cho người đại diện pháp luật của người nộp thuế.

*** CHÍNH SÁCH 5: Thủ tục tạm ngừng hoạt động, kinh doanh**

- **Điểm mới 10:** Bổ sung quy định cơ quan thuế không cập nhật trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác

nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận tạm ngừng kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh nhưng sau khi cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (khoản 2 Điều 12).

Trước đây: Tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa quy định cụ thể về nội dung này.

- **Điểm mới 11:** Bổ sung quy định cơ quan thuế không cập nhật trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh đối với người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế nếu có văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng sau khi cơ quan thuế thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Khoản 2 Điều 13).

Trước đây: Tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa quy định cụ thể về nội dung này.

*** CHÍNH SÁCH 6: Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế**

a) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 14):

- **Điểm mới 12:** Bổ sung quy định về hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Theo đó, trước khi nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm cả trường hợp giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc tại cơ quan đăng ký kinh doanh, người nộp thuế phải đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định (khoản 3 Điều 14).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 13:** Bổ sung quy định về hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ hợp tác thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh là các giao dịch chấm dứt hoạt động tổ hợp tác do cơ quan đăng ký kinh doanh truyền sang (khoản 4 Điều 14).

Trước đây: Theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì tổ hợp tác phải nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

b) Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và trả kết quả (Điều 16):

- **Điểm mới 14:** Bổ sung quy định chuyển số nộp thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết trong trường hợp đơn vị phụ thuộc, đơn vị bị chia/bị sáp nhập/bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng vẫn còn số nộp thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết cho đơn vị chủ quản hoặc các đơn vị mới thành lập sau khi chia/sáp nhập/hợp nhất (điểm a.3 khoản 1 Điều 16).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 15:** Bổ sung quy định khi nhận được Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hoặc thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh gửi qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cập nhật thông tin người nộp thuế về trạng thái “NNT chờ làm thủ tục phá sản” ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án hoặc thông tin trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với cơ quan thuế quản lý khoản thu xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế để gửi Tòa án thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật Phá sản (điểm e khoản 3 Điều 16).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 16:** Bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không hoàn thành nghĩa vụ thuế, sau đó nếu cơ quan thuế thực hiện xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký và có kết quả là người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế là 06, lý do tương ứng với hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế (khoản 6 Điều 16).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

c) Về chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Điều 17):

- **Điểm mới 17:** Bổ sung các trường hợp thuộc diện xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (điểm đ, e, g khoản 1 Điều 17) gồm:

+ Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử mà người nộp thuế được phân loại rủi ro thuộc diện phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

+ Cơ quan thuế nhận được thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc do Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế mà người nộp thuế được phân loại rủi ro thuộc diện phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

+ Cơ quan thuế cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế lần đầu hoặc khi thay đổi thông tin đăng ký thuế mà người nộp thuế được phân loại rủi ro thuộc diện phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Lưu ý: Tổng cục Thuế sẽ xây dựng bộ tiêu chí rủi ro để áp dụng trong các trường hợp nêu trên, riêng tiêu chí rủi ro về hóa đơn sẽ thực hiện cùng với hiệu lực của Nghị định sửa Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 18:** Bổ sung trạng thái 09 “Người nộp thuế chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, đồng thời bổ sung quy định cơ quan thuế gửi thông tin về việc người nộp thuế thuộc trường hợp chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế; địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế hoặc qua ứng dụng EtaxMobile, VneID của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu bằng văn bản để chứng minh tình trạng đang hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế hoặc giải trình trước khi cơ quan thuế thực hiện xác minh và được cơ quan thuế chấp thuận giải trình thì cơ quan thuế cập nhật lại trạng thái mã số thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ khai thuế hoặc chấp thuận giải trình của người nộp thuế (Khoản 1 Điều 17).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 19:** Bổ sung quy định về việc xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với người nộp thuế sau khi cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bổ sung các lý do của trạng thái 06 tương ứng với từng trường hợp tại khoản 5 Điều 17 như sau:

+ Trường hợp cơ quan thuế nhận được thông tin thu hồi giấy phép của người nộp thuế do cơ quan có thẩm quyền gửi đến, cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế, mã số thuế nộp thay (nếu có) sang trạng thái 06 lý do 13 “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bị thu hồi giấy phép hoạt động”.

+ Trường hợp cơ quan thuế nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án đối với người nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin và chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế sang trạng thái 06 lý do 07 hoặc lý do 12. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với cơ quan thuế quản lý khoản thu xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế để gửi Tòa án thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật Phá sản.

+ Trường hợp người nộp thuế muốn thực hiện thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động (bao gồm cả giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế. Cơ quan thuế xử lý hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn, không bắt buộc cơ quan thuế xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, nộp đầy đủ số

tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, cơ quan thuế thực hiện chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái 06 lý do 03 trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Sau đó, cơ quan thuế tiếp tục thực hiện xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế về trạng thái 01 tương tự quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

*** CHÍNH SÁCH 7: Thủ tục khôi phục mã số thuế**

a) Về hồ sơ khôi phục mã số thuế (Điều 18):

- **Điểm mới 20:** Đối với hồ sơ khôi phục mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, Thông tư 86/2024/TT-BTC bổ sung quy định đối với trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở. Theo đó, người nộp thuế phải ghi địa chỉ trụ sở hiện tại và giải trình lý do trong văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế, đồng thời nộp kèm hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (điểm b khoản 1 Điều 18).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 21:** Bổ sung trường hợp và hồ sơ khôi phục mã số thuế đối với đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chấm dứt hoạt động đến cơ quan thuế nhưng chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh, sau đó có văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc (điểm d khoản 1 Điều 18).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 22:** Bổ sung quy định đối với trường hợp doanh nghiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác, người nộp thuế phải nộp hồ sơ khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (khoản 2 Điều 18).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

b) Về xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả (Điều 19):

- **Điểm mới 23:** Bổ sung quy định trường hợp đơn vị chủ quản khôi phục mã số thuế thì cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản thông báo cho cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc để yêu cầu đơn vị phụ thuộc hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi khôi phục mã số thuế. Trường hợp đơn vị phụ thuộc không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế thì đơn vị chủ quản có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc trước khi khôi phục mã số thuế (điểm b.1 khoản 1 Điều 19).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 24:** Bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh tại điểm b.2 khoản 1 Điều 19, theo đó nếu người nộp thuế nộp kèm theo hồ sơ thay đổi thông tin đầy đủ, đúng quy định, cơ quan thuế thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở mới của người nộp thuế như sau:

+ Trường hợp địa chỉ trụ sở đang hoạt động của người nộp thuế thuộc địa bàn cơ quan thuế quản lý: cơ quan thuế thực hiện tương tự như điểm b.1 khoản này.

+ Trường hợp địa chỉ trụ sở đang hoạt động của người nộp thuế không thuộc địa bàn cơ quan thuế quản lý: Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện xác minh, lập biên bản và gửi kết quả cho cơ quan thuế nơi chuyển đi.

+ Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thuộc diện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế thực hiện đánh giá rủi ro để quyết định việc xác minh tại địa chỉ trụ sở mới hoặc thông báo không khôi phục mã số thuế.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 25:** Bổ sung quy định về việc cập nhật trạng thái mã số thuế sau khi khôi phục trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã được khôi phục mã số thuế sau khi cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật về trạng thái mã số thuế tương ứng với tình trạng pháp lý tại hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh sau khi kết thúc tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” (điểm b.3 Khoản 1 Điều 19).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 26:** Bổ sung quy định Cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế tại điểm d khoản 1 Điều 19 trong các trường hợp sau đây:

+ Người nộp thuế không hoàn thành nghĩa vụ về thuế, hóa đơn với cơ quan thuế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn theo quy định tại điểm b, c khoản này mà người nộp thuế không giải trình được lý do theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

+ Người nộp thuế thuộc trường hợp phải xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ trụ sở trước khi khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm a, b, c

khoản này nhưng kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký hoặc địa chỉ đăng ký thay đổi với cơ quan thuế; hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng cơ quan thuế đã đánh giá rủi ro và quyết định không khôi phục tại địa chỉ mới.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 27:** Bổ sung quy định đối với các trường hợp khôi phục mà mã số thuế của người nộp thuế đã bị cơ quan thuế cập nhật sang trạng thái 06 thì cơ quan thuế phải thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở của người nộp thuế trước khi khôi phục mã số thuế (điểm c khoản 1 Điều 19).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 28:** Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan thuế đối với việc xử lý khôi phục mã số thuế của người nộp thuế để khắc phục sai sót của cơ quan thuế trong trường hợp đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế không đúng trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế, hoặc đã xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế không đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định; hoặc khôi phục mã số thuế của người nộp thuế để phục vụ xử lý các nghiệp vụ yêu cầu phải sử dụng mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế phát sinh thêm các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền sau khi đã bị cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế (khoản 3 Điều 40).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

*** CHÍNH SÁCH 8: Danh mục trạng thái mã số thuế (Phụ lục I)**

- **Điểm mới 29:** Bổ sung trạng thái mã số thuế và lý do của trạng thái mã số thuế áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức như sau:

+ Bổ sung lý do đối với trạng thái 03-NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST: Lý do 07 - Chờ xác nhận chấm dứt của CQĐKKD.

+ Bổ sung các lý do đối với trạng thái 06-NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký:

Lý do 03 - NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và có hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST.

Lý do 07 - NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án.

Lý do 12 - NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Lý do 13 - NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bị thu hồi giấy phép.

Lý do 17 - Là đơn vị phụ thuộc, mã số nộp thay có đơn vị chủ quản bị CQT ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký.

+ Bổ sung trạng thái 09-Chờ xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh và các lý do của trạng thái 09:

Lý do 01- NNT không nộp HSKT sau 2 lần đôn đốc

Lý do 02- Văn bản của CQT gửi NNT bị bưu điện trả lại

Lý do 03- CQT nhận được thông tin của tổ chức, cá nhân cung cấp

Lý do 04- CQT nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền

Lý do 05- NNT được phân loại rủi ro cần phải xác minh khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hoặc thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Lý do 06- NNT được phân loại rủi ro cần phải xác minh khi đăng ký DN, HTX, HKD

Lý do 07- NNT được phân loại rủi ro cần phải xác minh khi đăng ký thuế.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

*** CHÍNH SÁCH 9: Mẫu biểu (Phụ lục II)**

- **Điểm mới 30:** Sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức như sau:

+ Đối với hồ sơ của người nộp thuế gửi cơ quan thuế

++ Sửa đổi các mẫu biểu: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức) mẫu số 01-ĐK-TCT; Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế) mẫu số 02-ĐK-TCT. Theo đó, các chỉ tiêu về số giấy tờ của người đại diện pháp luật, giám đốc/tổng giám đốc, kế toán trưởng/phụ trách kế toán được thay bằng thông tin số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam); đồng thời, thông tin địa chỉ của người đại diện pháp luật sẽ được tích hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào tờ khai đăng ký thuế (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC khai số giấy tờ đối với người Việt Nam là CMND/CCCD, chưa tích hợp thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*).

++ Sửa đổi mẫu Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK kèm theo Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT. Theo đó bổ sung chỉ tiêu để bên Việt Nam tích chọn việc cấp MST 13 số cho nhà thầu nước ngoài có nhu cầu (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC không có chỉ tiêu này nên cơ quan thuế cấp MST 13 số cho tất cả các nhà thầu nước ngoài trong bảng kê*).

++ Sửa đổi mẫu Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT. Theo đó bổ sung địa chỉ hiện tại để phù hợp với quy định tại Điều 18, Điều 33 Thông tư này đối với trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở khi khôi phục mã số thuế (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa đáp ứng cho trường hợp này*).

+ Đối với văn bản, thông báo của cơ quan thuế

++ Sửa đổi mẫu Giấy chứng nhận đăng ký thuế mẫu số 10-MST bổ sung tiêu đề phù hợp với cơ quan thuế ban hành Giấy chứng nhận ĐKT (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC có tiêu đề là “Bộ Tài chính”*).

++ Sửa đổi mẫu Thông báo mã số thuế nộp thay mẫu số 11-MST để thể hiện rõ mã số thuế nộp thay cho nhà thầu nước ngoài/nhà cung cấp nước ngoài/cá nhân hợp tác kinh doanh/tổ chức hợp tác kinh doanh (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC không thể hiện rõ mã số thuế nộp thay cho trường hợp nào*).

++ Sửa đổi mẫu Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế mẫu số 15/BB-XMHĐ, theo đó bổ sung địa chỉ tại thời điểm đề nghị khôi phục mã số thuế để phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 34 Thông tư này đối với trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở khi khôi phục mã số thuế (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa đáp ứng cho trường hợp này*).

++ Sửa đổi mẫu Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT, bổ sung chi tiết các còn nợ/nộp thừa (chương, tiêu mục, cơ quan thu, địa bàn hành chính, ID) để người nộp thuế nhận chuyển nghĩa vụ thuế có đầy đủ thông tin để nộp khoản nợ/xử lý nộp thừa (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có cụ thể thông tin về khoản nợ/nộp thừa*).

++ Bổ sung mẫu Thông báo về việc các nghĩa vụ thuế phải hoàn thành trước khi khôi phục mã số thuế mẫu số 19.1-MST để người nộp thuế có thông tin để thực hiện hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi khôi phục mã số thuế, đồng thời cơ quan thuế có cơ sở ban hành Thông báo người nộp thuế không được khôi phục mã số thuế nếu quá thời hạn người nộp thuế không hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định tại Điều 19, Điều 34 Thông tư này.

*** CHÍNH SÁCH 10: Hiệu lực thi hành**

Các nội dung mới áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/02/2025.

2. Các nội dung mới áp dụng đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân và hiệu lực thi hành

*** CHÍNH SÁCH 11: Đối tượng đăng ký thuế**

- **Điểm mới 31:** Bổ sung đối tượng là “cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam” có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam (điểm e khoản 2 Điều 4), để bao quát đối tượng nhà cung cấp ở nước ngoài theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 6 Luật 56/2024/QH15.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa bao gồm đối tượng này, việc đăng ký thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài tại Thông tư 80/2021/TT-BTC mới chỉ hướng dẫn cho nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam (là tổ chức).

- **Điểm mới 32:** Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế sẽ không bao gồm hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh, theo đó được sửa đổi là “hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh” (điểm i Khoản 2 Điều 4), để loại trừ hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh, đồng thời bỏ cụm từ “sau đây gọi là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” để tránh nhầm lẫn với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh (điểm I khoản 2 Điều 4).

Trước đây: Theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì chưa loại trừ hộ kinh doanh thuộc trường hợp đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh.

CHÍNH SÁCH 12: Cấu trúc mã số thuế

- **Điểm mới 33:** Bổ sung quy định số định danh cá nhân của công dân Việt Nam do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước được sử dụng thay cho mã số thuế của người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc; đồng thời, số định danh cá nhân của người đại diện hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được sử dụng thay cho mã số thuế của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó (Khoản 5 Điều 5).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 34:** Bổ quy định cấp mã số thuế 13 chữ số cho các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

CHÍNH SÁCH 13: Thủ tục đăng ký thuế lần đầu

- **Điểm mới 35:** Bổ sung quy định địa điểm và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu là địa điểm và hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh (Đoạn đầu của Điều 22).

Trước đây: Theo quy định tại điểm điểm a khoản 8 Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế.

- **Điểm mới 36:** Sửa đổi thủ tục đăng ký thuế lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế như sau:

+ Sửa đổi địa điểm nộp hồ sơ theo hướng cụ thể hơn, gồm: Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi đặt địa điểm kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định; Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cư trú của cá nhân kinh doanh trong trường hợp cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định; Tại Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cho thuê bất động sản (điểm a.1 khoản 1, điểm a.1 khoản 2 Điều 22).

+ Bổ sung quy định: Sau khi đăng ký thuế lần đầu, nếu cá nhân phát sinh hoạt động kinh doanh hoặc thành lập thêm địa điểm kinh doanh ngoài địa chỉ kinh doanh đã đăng ký, cá nhân sử dụng số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam)/mã số thuế đã được cấp (đối với người nước ngoài) để kê khai nộp thuế với Chi cục Thuế nơi có hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật quản lý thuế (điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 22).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có các quy định này.

- **Điểm mới 37:** Sửa đổi, bổ sung thủ tục đăng ký thuế lần đầu đối với cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam (là đối tượng sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế) như sau:

+ Về hồ sơ:

++ Bổ sung hướng dẫn cá nhân phải khai các thông tin về Họ và tên, số định danh cá nhân, ngày tháng năm sinh chính xác so với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, khi đó các thông tin về địa chỉ thường trú, địa chỉ hiện tại của cá nhân được tự động tích hợp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp thuế phải kê khai.

++ Thành phần hồ sơ được cắt giảm là bản sao CMND/CCCD của cá nhân (điểm a.2, b.2, c.2, d.2 khoản 1 Điều 22).

++ Bổ sung quy định trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này (khoản 4 Điều 40).

+ Về trình tự xử lý và trả kết quả: Bổ sung quy định cụ thể đối với trường hợp thông tin của cá nhân khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và trường hợp không khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả được cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân, đồng thời thông báo mã số thuế cho cá nhân sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có các quy định này.

- **Điểm mới 38:** Sửa đổi, bổ sung thủ tục đăng ký thuế lần đầu đối với cá nhân/đại diện hộ gia đình là người nước ngoài (là đối tượng được cơ quan thuế cấp mã số thuế) như sau:

+ Về hồ sơ: Bổ sung quy định trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế thì không phải nộp bản sao hộ chiếu trong hồ sơ đăng ký thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này nếu hộ chiếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử (khoản 2 Điều 36).

+ Về trình tự xử lý và trả kết quả: bổ sung quy định cụ thể đối với trường hợp đủ điều kiện cấp mã số thuế và không đủ điều kiện cấp mã số thuế. Kết quả

trả ra của cơ quan thuế giảm còn 01 mẫu là “Thông báo mã số thuế cá nhân” cấp cho cá nhân hoặc cơ quan chi trả, bỏ các mẫu: Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân (Mẫu 12-MST), Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc (Mẫu 21-MST), Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc ủy quyền đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập (Mẫu 22-MST).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có các quy định này.

CHÍNH SÁCH 14: Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế

- **Điểm mới 39:** Bổ sung quy định hộ kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế cùng với thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh (điểm a khoản 1 Điều 25).

Trước đây: Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- **Điểm mới 40:** Sửa đổi thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với hộ gia đình, cá nhân là người Việt Nam (là đối tượng sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế):

Bỏ bản sao CMND/CCCD của cá nhân trong thành phần hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (điểm b khoản 1 Điều 25).

- **Điểm mới 41:** Sửa đổi, bổ sung thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với cá nhân/đại diện hộ gia đình là người nước ngoài (là đối tượng được cơ quan thuế cấp mã số thuế) như sau:

Bổ sung quy định trường hợp cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và Điều 14 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP để thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế thì không phải nộp bản sao hộ chiếu trong hồ sơ đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này nếu hộ chiếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử (khoản 2 Điều 36).

- **Điểm mới 42:** Sửa đổi, bổ sung cách xác định thời hạn ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST tại điểm a khoản 2 Điều 26 như sau:

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ không thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), đồng thời người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST gửi cho người nộp thuế và cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

+ Quá thời hạn nêu trên, trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyển đi thì thời hạn cơ quan thuế nơi chuyển đi

ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này được xác định lại là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế nơi chuyên đi.

+ Việc xác định người nộp thuế thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế

Trước đây: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì thời hạn cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST là: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế công bố biên bản, kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ thuộc diện không phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), chưa ràng buộc trách nhiệm của người nộp thuế trong việc hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế nơi chuyên đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

- **Điểm mới 43:** Sửa đổi quy định đối với người nộp thuế đã hoàn thành chuyên địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyên đi nhưng không nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc tại cơ quan thuế nơi chuyên đến, cơ quan thuế thực hiện tương tự như khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

CHÍNH SÁCH 15: Thủ tục tạm ngừng hoạt động kinh doanh

- **Điểm mới 44:** Bổ sung quy định cơ quan thuế không cập nhật trạng thái tạm ngừng hoạt động, kinh doanh đối với hộ kinh doanh nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận tạm ngừng kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh nhưng sau khi cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Khoản 2 Điều 27).

Trước đây: Tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa quy định cụ thể về nội dung này.

- **Điểm mới 45:** Bổ sung quy định cơ quan thuế cập nhật thông tin tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của hộ kinh doanh vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế khi nhận được giao dịch trao đổi thông tin về tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Khoản 2 Điều 28).

Trước đây: Tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa quy định cụ thể về này.

CHÍNH SÁCH 16: Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế

- **Điểm mới 46:** Sửa đổi thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh như sau:

+ Hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST là thông tin về chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh (khoản 1 Điều 29).

+ Bỏ thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh. Thay vào đó, bổ sung quy định xử lý giao dịch chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh như sau: Cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh thực hiện phối hợp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn đốc, xử lý nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh (nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, hóa đơn và xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có)), xử lý bù trừ nghĩa vụ thuế hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật. Theo đó, không còn yêu cầu người nộp thuế phải hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh trước khi chấm dứt địa điểm kinh doanh (khoản 3 Điều 31).

Lý do: Thông tư số 86/2024/TT-BTC bỏ quy định cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh nên không còn thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

Trước đây: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế; cơ quan thuế khi nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh thì xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC, trong đó có yêu cầu người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh trước khi chấm dứt mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

- **Điểm mới 47:** Sửa đổi thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế như sau:

+ Bỏ thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh. Thay thủ tục này bằng thủ tục: Khi cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh ngoài địa điểm đăng ký trụ sở, cá nhân kinh doanh chỉ cần thông báo về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh (khoản 5 Điều 29).

+ Xử lý khi nhận được thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh: cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh thực hiện phối hợp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn đốc, xử lý nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh (nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, hóa đơn và xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có)), xử lý bù trừ nghĩa vụ thuế hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật. Theo đó, không còn yêu cầu người nộp

thuế phải hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh trước khi chấm dứt địa điểm kinh doanh (khoản 3 Điều 31).

Lý do: Thông tư số 86/2024/TT-BTC bỏ quy định cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nên không còn thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

Trước đây: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì cá nhân kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của từng địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế nơi có địa điểm kinh doanh; cơ quan thuế khi nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh thì xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC, trong đó có yêu cầu người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh trước khi chấm dứt mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

- **Điểm mới 48:** Sửa đổi, bổ sung quy định xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký để phù hợp với trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế liên thông, bỏ thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đối với địa điểm kinh doanh để phù hợp với việc bỏ quy định cấp MST 13 số cho địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Điều 32).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC quy định chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo từng địa điểm kinh doanh.

CHÍNH SÁCH 17: Thủ tục khôi phục mã số thuế

- **Điểm mới 49:** Sửa đổi thủ tục khôi phục mã số thuế đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh như sau:

+ Hồ sơ khôi phục MST đối với hộ kinh doanh là thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh (khoản 1 Điều 33).

+ Cơ quan thuế xử lý khôi phục MST đối với hộ kinh doanh ngay trong ngày nhận được giao dịch khôi phục tình trạng pháp lý do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh (khoản 1 Điều 34).

Trước đây: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế cho cơ quan thuế; cơ quan thuế xử lý khôi phục mã số thuế khi nhận được hồ sơ khôi phục mã số thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 19 Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

- **Điểm mới 50:** Sửa đổi thủ tục khôi phục mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế tại Điều 33, 34 như sau:

Bỏ thủ tục khôi phục mã số thuế trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đã chấm dứt hoạt động kinh doanh, sau đó lại tiếp tục hoạt động kinh doanh trở lại; hoặc hộ gia đình, cá nhân kinh doanh bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Lý do: Thông tư số 86/2024/TT-BTC bổ quy định cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, việc chấm dứt, khôi phục mã số thuế của hộ gia đình, cá nhân chỉ áp dụng đối với trường hợp cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự. Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đã chấm dứt hoạt động kinh doanh, sau đó lại tiếp tục hoạt động kinh doanh trở lại, hoặc hộ gia đình, cá nhân kinh doanh bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện khai thuế tại cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh như trường hợp mới ra kinh doanh, không phải thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế. Chủ hộ, cá nhân phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đã bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Trước đây: Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế khi khôi phục hoạt động theo từng địa điểm kinh doanh.

- **Điểm mới 51:** Bổ sung quy định xử lý khôi phục mã số thuế đối với hộ kinh doanh bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tương tự như điểm b, d khoản 1 Điều 19 Thông tư này (khoản 2 Điều Điều 34).

- **Điểm mới 52:** Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan thuế đối với việc xử lý khôi phục mã số thuế của người nộp thuế để khắc phục sai sót của cơ quan thuế trong trường hợp đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế không đúng trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế, hoặc đã xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế không đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định; hoặc khôi phục mã số thuế của người nộp thuế để phục vụ xử lý các nghiệp vụ yêu cầu phải sử dụng mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế phát sinh thêm các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền sau khi đã bị cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế (khoản 3 Điều 40).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

CHÍNH SÁCH 18: Danh mục trạng thái mã số thuế (Phụ lục I)

- **Điểm mới 53:** Bổ sung trạng thái mã số thuế và lý do của trạng thái mã số thuế áp dụng đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân như sau:

+ Bổ sung lý do đối với trạng thái 00-NNT đã được cấp mã số thuế: Lý do 03-Cá nhân chưa phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Bổ sung các lý do đối với trạng thái 03-NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST (áp dụng đối với hộ kinh doanh): Lý do 07 - Chờ xác nhận chấm dứt của CQĐKKD.

+ Bổ sung các lý do đối với trạng thái 06-NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký:

Lý do 03 - NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và có hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST.

Lý do 13 - NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bị thu hồi giấy phép.

+ Bổ sung trạng thái 09-Chờ xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh và các lý do của trạng thái 09:

Lý do 01- NNT không nộp HSKT sau 2 lần đôn đốc

Lý do 02- Văn bản của CQT gửi NNT bị bưu điện trả lại

Lý do 03- CQT nhận được thông tin của tổ chức, cá nhân cung cấp

Lý do 04- CQT nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền

Lý do 05- NNT được phân loại rủi ro cần phải xác minh khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hoặc thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Lý do 06- NNT được phân loại rủi ro cần phải xác minh khi đăng ký DN, HTX, HKD

Lý do 07- NNT được phân loại rủi ro cần phải xác minh khi đăng ký thuế

+ Bổ sung trạng thái 10 - Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân.

*** CHÍNH SÁCH 19: Mẫu biểu (Phụ lục II)**

- **Điểm mới 54:** Sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu áp dụng đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân như sau:

+ Đối với hồ sơ của người nộp thuế gửi cơ quan thuế

++ Sửa đổi các mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân kinh doanh) mẫu số 03-ĐK-TCT; Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho cá nhân không kinh doanh trực tiếp đăng ký thuế) mẫu số 05-ĐK-TCT; Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có uỷ quyền) mẫu số 05-ĐK-TH-TCT; Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công) mẫu số 20-ĐK-TCT; Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có uỷ quyền) mẫu số 20-ĐK-TH-TCT. Theo đó, các chỉ tiêu về số giấy tờ của cá nhân là người Việt Nam được thay bằng thông tin số định danh cá nhân; đồng thời, thông tin địa chỉ của cá nhân sẽ được tích hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào tờ khai đăng ký thuế (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC khai số giấy tờ đối với người Việt Nam là CMND/CCCD, chưa tích hợp thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*).

++ Sửa đổi mẫu Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT. Theo đó bổ sung địa chỉ hiện tại để phù hợp với quy định tại Điều 18, Điều 33 Thông tư này đối với trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở khi khôi phục mã số thuế (*mẫu trước đây kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa đáp ứng cho trường hợp này*).

++ Bổ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân mẫu số 32-MST để phù hợp với quy định tại Điều 23 Thông tư này.

++ Bổ sung Giấy ủy quyền đăng ký thuế mẫu số 41/UQ-ĐKT để phù hợp với quy định tại Điều 22 Thông tư này.

++ Bổ sung Thông báo về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của cá nhân kinh doanh mẫu số 24.1/ĐK-TCT để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư này.

+ Đối với văn bản, thông báo của cơ quan thuế

++ Bổ các mẫu biểu: Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân mẫu số 12-MST, Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc mẫu số 21-MST, Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc ủy quyền đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 22-MST để phù hợp với quy định tại Điều 23 Thông tư này.

++ Sửa đổi các mẫu biểu: Giấy chứng nhận đăng ký thuế mẫu số 10-MST; Thông báo mã số thuế nộp thay mẫu số 11-MST; Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST; Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế mẫu số 15/BB-XMHD; Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT.

++ Sửa đổi mẫu Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT, theo đó bổ sung nội dung: Mã số thuế của người đại diện hộ gia đình, cá nhân kinh doanh vẫn được tiếp tục sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế khác của cá nhân đó để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Luật Quản lý thuế.

++ Bổ sung mẫu Thông báo về việc cá nhân/người phụ thuộc không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư <hoặc không cấp MST cho cá nhân/người phụ thuộc> đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 40/TB-ĐKT để phù hợp với quy định tại Điều 23 Thông tư này.

*** CHÍNH SÁCH 20: Hiệu lực thi hành**

- Hiệu lực từ ngày 06/02/2025 đối với hồ sơ, thủ tục đăng ký thuế.

- Hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đối với việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế. Trong thời gian từ ngày 06/02/2025 đến ngày 30/6/2025, cơ quan thuế vẫn cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân để sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

*** CHÍNH SÁCH 21: Quy định chuyển tiếp (Điều 39)**

- Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 và thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân đã khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế bắt đầu từ ngày 01/7/2025, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo mã số thuế đã cấp trước đó. Đồng thời, cơ quan thuế theo dõi, quản lý toàn bộ dữ liệu của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc bằng số định danh cá nhân.

- Trường hợp hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, đại diện hộ gia đình, cá nhân không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế của hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân sang trạng thái 10 “Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân”. Người nộp thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 25 Thông tư này để đảm bảo thông tin khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư này.

- Trường hợp cá nhân đã được cấp nhiều hơn 01 (một) mã số thuế, người nộp thuế phải cập nhật thông tin số định danh cá nhân cho các mã số thuế đã được cấp để cơ quan thuế tích hợp các mã số thuế vào số định danh cá nhân, hợp nhất dữ liệu thuế của người nộp thuế theo số định danh cá nhân.

Khi mã số thuế đã được tích hợp vào số định danh cá nhân thì các hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế, giấy tờ có giá trị pháp lý khác đã lập có sử dụng thông tin mã số thuế của cá nhân tiếp tục được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thuế mà không phải điều chỉnh thông tin mã số thuế trên hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế sang số định danh cá nhân.

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tra cứu thông tin đăng ký thuế đã được cơ quan thuế đối chiếu khớp đúng hoặc không khớp đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tại địa chỉ: <https://www.gdt.gov.vn>, hoặc trên trang Thuế điện tử của Tổng cục Thuế tại địa chỉ: thuementu.gdt.gov.vn, hoặc trên tài khoản giao dịch thuế điện tử của cá nhân tại ứng dụng icanhan hoặc eTaxMobile (nếu cá nhân đã được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế). Trường hợp thông tin có sai sót, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc Chi cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân cư trú để cập nhật thông tin chính xác vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

3. Các nội dung khác

- **Điểm mới 55:** Bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với biện pháp thực hiện chức năng quản lý thuế đối với đăng ký thuế (Điều 1).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC quy định phạm vi điều chỉnh chưa bao gồm nội dung này

- **Điểm mới 56:** Bổ sung nội dung về ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử trong thực hiện thủ tục đăng ký thuế (Điều 36).

+ Cơ quan thuế thực hiện khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phù hợp với lộ trình triển khai kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu thuế để giải quyết thủ tục đăng ký thuế cho người nộp thuế theo quy định tại Thông tư này và phải lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật. Trường hợp các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đã được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu thuế thì không yêu cầu người nộp thuế khai báo lại với cơ quan thuế.

+ Tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập để thực hiện thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử. Cơ quan thuế tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thuế điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 57:** Bổ sung quy định về giải quyết thủ tục cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng (Điều 37):

+ Cơ quan thuế giải quyết thủ tục đăng ký thuế cho người nộp thuế quy định tại Thông tư này theo quy trình dự phòng trong các trường hợp sau:

++ Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh, hoặc Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gặp sự cố kỹ thuật.

++ Các trường hợp bất khả kháng khác.

+ Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hoặc Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Tổng cục Thuế thông báo trước về thời gian dự kiến để cơ quan thuế giải quyết thủ tục cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng, trừ trường hợp bất khả kháng.

+ Việc giải quyết thủ tục cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng thực hiện theo quy trình xử lý hồ sơ bằng bản giấy.

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tổng cục Thuế về việc Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế hoàn thành việc khắc phục sự cố, cơ quan thuế phải cập nhật, bổ sung dữ liệu, thông tin đã giải quyết cho người nộp thuế theo quy trình dự phòng vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này

- **Điểm mới 58:** Bổ sung quy định trách nhiệm của Tổng cục Thuế đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để phục vụ công tác quản lý thuế, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật thuế (khoản 1 Điều 40).

Trước đây: Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

- **Điểm mới 59:** Quy định chuyển tiếp

Các hồ sơ đăng ký thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, khôi phục mã số thuế đã nộp đến cơ quan thuế trước ngày Thông tư số 86/2024/TT-BTC có hiệu lực thi hành thì cơ quan thuế tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế tại thời điểm nộp hồ sơ./.

